

Số: /2024/QĐ-UBND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 11114/TTr-STNMT-KTĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 5740/BC-STP ngày 06 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp.

Điều 3. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

1. Phân khu vực và vị trí đất

Khu vực: đất nông nghiệp được phân thành ba (03) khu vực:

a) Khu vực I: Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 6, Quận 10, Quận 11, quận Bình Thạnh, quận Phú Nhuận.

b) Khu vực II: Quận 7, Quận 8, Quận 12, quận Tân Bình, quận Tân Phú, quận Bình Tân, quận Gò Vấp, thành phố Thủ Đức.

c) Khu vực III: Huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, huyện Củ Chi, huyện Nhà Bè, huyện Cần Giờ.

2. Vị trí:

2.1. Đối với đất trồng cây hàng năm, gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác; đất trồng cây lâu năm; đất lâm nghiệp, gồm đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản, đất chăn nuôi tập trung; đất làm muối; đất nông nghiệp khác. Chia làm ba (03) vị trí:

a) Vị trí 1: thửa đất tiếp giáp với lề đường (đường có tên trong bảng giá đất ở) trong phạm vi 200m.

b) Vị trí 2: thửa đất không tiếp giáp với lề đường (đường có tên trong bảng giá đất ở) trong phạm vi 400m.

c) Vị trí 3: các vị trí còn lại.

2.2. Đối với đất làm muối: chia làm ba (03) vị trí:

a) Vị trí 1: thực hiện như cách xác định đối với đất trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản.

b) Vị trí 2: có khoảng cách đến đường giao thông thủy, đường bộ hoặc đến kho muối tập trung tại khu vực sản xuất trong phạm vi trên 200m đến 400m.

c) Vị trí 3: các vị trí còn lại.

3. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp:

3.1. Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác)

3.1.1. Khu vực I

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 6, Quận 10, Quận 11, quận Bình Thạnh, quận Phú Nhuận	0,90	1,12	1,40

3.1.2. Khu vực II

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Quận 7, Quận 8, Quận 12, quận Tân Bình, quận Tân Phú, quận Bình Tân, quận Gò Vấp, thành phố Thủ Đức	0,93	1,17	1,46

3.1.3. Khu vực III

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, huyện Củ Chi, huyện Nhà Bè, huyện Cần Giờ	0,97	1,21	1,52

3.2. Đất trồng cây lâu năm

3.2.1. Khu vực I

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 6, Quận 10, Quận 11, quận Bình Thạnh, quận Phú Nhuận	0,75	0,94	1,17

3.2.2. Khu vực II

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Quận 7, Quận 8, Quận 12, quận Tân Bình, quận Tân Phú, quận Bình Tân, quận Gò Vấp, thành phố Thủ Đức	0,78	0,97	1,21

3.2.3. Khu vực III

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, huyện Củ Chi, huyện Nhà Bè, huyện Cần Giờ	0,81	1,01	1,26

3.3. Đất rừng sản xuất

3.3.1. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với đất rừng sản xuất bằng mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề của đất nông nghiệp trồng cây lâu năm tương ứng với từng khu vực, vị trí.

3.3.2. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng:

a) Khu vực I

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 6, Quận 10, Quận 11, quận Bình Thạnh, quận Phú Nhuận	0,94	1,17	1,46

b) Khu vực II

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Quận 7, Quận 8, Quận 12, quận Tân Bình, quận Tân Phú, quận Bình Tân, quận Gò Vấp, thành phố Thủ Đức	0,97	1,21	1,52

c) Khu vực III

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, huyện Củ Chi, huyện Nhà Bè, huyện Cần Giờ	1,01	1,26	1,58

3.4. Đất nuôi trồng thủy sản

Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với đất nuôi trồng thủy sản bằng mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề của đất trồng cây hàng năm tương ứng với từng khu vực, vị trí.

3.5. Đất chăn nuôi tập trung

3.5.1. Khu vực I

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 6, Quận 10, Quận 11, quận Bình Thạnh, quận Phú Nhuận	0,50	0,62	0,78

3.5.2. Khu vực II

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Quận 7, Quận 8, Quận 12, quận Tân Bình, quận Tân Phú, quận Bình Tân, quận Gò Vấp, thành phố Thủ Đức	0,52	0,65	0,81

3.5.3. Khu vực III

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, huyện Củ Chi, huyện Nhà Bè, huyện Cần Giờ	0,54	0,67	0,84

3.6. Đất làm muối

3.6.1. Khu vực I

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 6, Quận 10, Quận 11, quận Bình Thạnh, quận Phú Nhuận	1,12	1,40	1,75

3.6.2. Khu vực II

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Quận 7, Quận 8, Quận 12, quận Tân Bình, quận Tân Phú, quận Bình Tân, quận Gò Vấp, thành phố Thủ Đức	1,17	1,46	1,82

3.6.3. Khu vực III

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, huyện Củ Chi, huyện Nhà Bè, huyện Cần Giờ	1,21	1,52	1,89

3.7. Đất nông nghiệp trong Khu Nông nghiệp Công nghệ cao

Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với đất nông nghiệp trong Khu Nông nghiệp Công nghệ cao bằng 1,89.

4. Trên cơ sở mức hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện đưa mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh vào phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp đối với các trường hợp đủ điều kiện hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc áp dụng mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm không được vượt quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương.

2. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng thống nhất, đảm bảo có sự tương đồng giữa các vị trí, loại đất và khu vực trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Hạn mức đất được hưởng mức hỗ trợ này được áp dụng theo hạn mức giao đất nông nghiệp tại Điều 176 Luật Đất đai năm 2024.

Điều 5. Trách nhiệm của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố thủ Đức và các quận, huyện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

Định kỳ tổng hợp khó khăn vướng mắc và kiến nghị, đề xuất (nếu có) báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, chỉ đạo thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

a) Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện chịu trách nhiệm rà soát, áp dụng đúng mức hỗ trợ và xác định đúng đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này và các quy định có liên quan.

c) Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt quá thẩm quyền, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để được xem xét, chỉ đạo thực hiện.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2024.

2. Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC; Bộ LĐ&TBXH;
- Bộ TNMT; Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố;
- TTUB: CT các PCT;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VPUB: PCVP/ĐT;
- Phòng ĐT, VX, TH;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, (ĐT-HV).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường